TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH** Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST Ngày: 09/9/2025 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Cao Sơn**

Ông **Nguyễn Duy Minh**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Việt Hà, kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2025/TLST – HNGĐ ngày 01/7/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D; sinh năm 1984;CCCD số: 042184002993.

Địa chỉ: Số C, ngách A, ngõ B, đường H, phường T, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Tự Đ; sinh năm 1983; CCCD số: 042083002330.
Địa chỉ: Số A, đường T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị* Nguyễn Thị D *trình bày:*

Chị và anh Trần Tự Đ kết hôn vào ngày 26/11/2009, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (nay là phường T, tỉnh Hà Tĩnh), hôn nhân tự nguyện, chị D, anh Đ là cán bộ ngân hàng đóng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường được thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra một số mâu thuẫn, trầm trọng nhất là từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân không còn ăn chung, ngủ chung, không quan tâm chăm sóc gì nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, về nhà bỏ bê, không quan tâm chăm sóc và sống

thiếu tôn trọng vợ con. Hiện tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị D, anh Đ có 02 con chung là Trần Hà N, sinh ngày 09/4/2011 và con Trần Ngân H, sinh ngày 01/11/2015. Hiện các con đang sống chung với chị D tại nhà của chị ở Số C, ngách A, ngõ B, đường H, phường T, tỉnh Hà Tĩnh. Chị D có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Trần Hà N và Trần Ngân H. Chị D yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 02 con mỗi tháng 10.000.000 đồng (5.000.000đ/01con/tháng), kể từ tháng 9/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai Bị đơn anh Trần Tự Đ *trình bày:*

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị D trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh, chị có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Quá trình mâu thuẫn được ông, bà nội, ngoại khuyên giải song không có kết quả. Chị D làm đơn để xin ly hôn thì anh Đ cũng đồng ý.

Về con chung: Chị D, anh Đ có 02 con chung là Trần Hà N, sinh ngày 09/4/2011 và con Trần Ngân H, sinh ngày 01/11/2015. Hiện các con đang sống chung với chị D tại nhà của chị ở Số C, ngách A, ngõ B, đường H, phường T, tỉnh Hà Tĩnh. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh Đ đồng ý giao hai con Trần Hà N và Trần Ngân H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ đồng ý đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hai con mỗi tháng 10.000.000 đồng (5.000.000đ/01con/tháng), cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Hiện nay anh Trần Tự Đ đang là cán bộ quản lý của Ngân hàng, thu nhập tháng 40.000.000 đồng.

Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định. Việc thụ lý đơn, lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xác minh và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục của phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118

của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, X:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị Nguyễn Thi D và anh Trần Tự Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Hà N, sinh ngày 09/4/2011 và con chung Trần Ngân H, sinh ngày 01/11/2015 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Tự Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (5.000.000đ/01con/tháng), kể từ tháng 9/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Trần Tự Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tự Đ không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thi D tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001150 ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Nguyễn Thị D được trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Trần Tự Đ phải chịu 150.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh Trần Tự Đ nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung". Anh Trần Tự Đ có địa chỉ tại số A, đường T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Tĩnh) thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 29/8/2025 anh Trần Tự Đ vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 09/9/2025 nhưng anh Trần Tự Đ vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Tự Đ là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tự Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (nay là phường T, tỉnh Hà Tĩnh) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị D nhận thấy vợ, chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D xin được ly hôn. Anh Trần Tự Đ thừa nhận quá trình chung sống vợ, chồng có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Mặc dù, đã được gia đình nội, ngoại hai bên khuyên giải song không có kết quả. Chị D làm đơn xin ly hôn anh Đ đồng ý ly hôn và xin được vắng mặt.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: tình trạng hôn nhân giữa chị D, anh Đ đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình để ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D với bị đơn anh Trần Tự Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tự Đ đều thừa nhận vợ chồng có 2 con chung là Trần Hà N, sinh ngày 09/4/2011 và con chung Trần Ngân H, sinh ngày 01/11/2015. Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tự Đ thỏa thuận giao con 02 con chung cho chị Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Tự Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (5.000.000đ/01con/tháng), cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: chị Nguyễn Thị D hiện có công việc và chổ ở ổn định, các con hiện nay đang sống chung với chị, được chăm sóc chu đáo và cho đi học. Bản thân các con cũng có nguyện vọng được ở cùng chị D. Vì vậy, cần giao con chung cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị D yêu cầu anh Trần Tự Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng, (5.000.000đ/01con/tháng) kể từ tháng 9/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Trần Tự Đ đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy: thỏa thuận nói trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của các đương sự. Anh Trần Tự Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tự Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D tự nguyện chịu 150.000 đồng, án phí ly hôn sơ thẩm; Bị đơn anh Trần Tự Đ phải chịu 150.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, X:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tự Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Hà N, sinh ngày 09/4/2011 và con chung Trần Ngân H, sinh ngày 01/11/2015 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Tự Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (5.000.000đ/01con/tháng), kể từ tháng 9/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Trần Tự Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh Trần Tự Đ không thi hành được thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tự Đ không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001150 ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Nguyễn Thị D được trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Trần Tự Đ phải chịu 150.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tống đạt hợp lệ; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV1 - HT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S HT;
- Các đương sự;
- UBND phường Thành Sen, Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng